

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NIÊN ĐỘ 2022-2023

(V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị)

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm ("**Luật Doanh Nghiệp**");
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, và các văn bản hướng dẫn thi hành ("**Luật Chứng Khoán**");
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP được Chính Phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán ("**Nghị định 155**");
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa ("**Điều Lệ**");
- Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa hiện hành ("**Quy chế nội bộ về quản trị công ty**");
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa hiện hành ("**Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị**").
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên niên độ 2022-2023 số 04/2023/BB-ĐHĐCĐ/TTCBH ngày 26/10/2023 của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Thông qua việc sửa đổi Điều Lệ để phù hợp với quy định mới của pháp luật, cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung Khoản 14, Điều 28 và Khoản 2 và Khoản 3, Điều 20 Điều lệ Công ty, nội dung cụ thể theo Phụ lục đính kèm Nghị Quyết này.

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty để phù hợp với quy định mới của pháp luật, cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung Khoản 4, Điều 9 và Khoản 2, Điều 22 Quy chế nội bộ về quản trị công ty, nội dung cụ thể theo Phụ lục đính kèm Nghị Quyết này.

Điều 3. Thông qua việc sửa đổi Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị để phù hợp với quy định mới của pháp luật, cụ thể:

Sửa đổi Khoản 2, Điều 22 Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, nội dung cụ thể theo Phụ lục đính kèm Nghị Quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty có trách nhiệm triển khai, giám sát và báo cáo việc thực hiện Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- HDQT, BTGD;
- Lưu Tổ TLTK.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 
CHỦ TỌA 


HUỲNH BÁCH NGỌC

PHỤ LỤC:
NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ, QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY, QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
(ĐÍNH KÈM NGHỊ QUYẾT SỐ 15/2023/NQ-ĐHĐCĐ CỦA
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NIÊN ĐỘ 2022 – 2023 NGÀY 26 THÁNG 10 NĂM 2023)

Ghi chú:

- Các Điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi;
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “Nội dung tại văn bản hiện hành” là các nội dung được in nghiêng, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung” là nội dung được in đậm, gạch chân.

STT	Điều Khoản sửa Đổi, bổ Sung	Nội dung tại văn bản hiện hành	Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung	Căn cứ pháp lý	Lý do sửa đổi, bổ sung
I. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY					
1. Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông					
1.1.	Khoản 2, Điều 20	Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên <u>của tất cả cổ đông dự họp tán thành</u>. a. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty. d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá trị tài	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên <u>của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u>. a. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá	Khoản 5, Điều 7 Luật số 03/2022/QH15.	Điều chỉnh tỷ lệ thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phù hợp với quy định pháp luật

		từ chối ký biên bản họp, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị <u>tham dự họp ký</u> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp (trừ nội dung Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản) thì biên bản này có hiệu lực.	chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị <u>tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký</u> và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật doanh nghiệp (trừ nội dung Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản) thì biên bản này có hiệu lực. <u>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</u>		
II. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY					
1. Điều 9. Cách thức biểu quyết, kiểm phiếu, thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ					
Khoản 4, Điều 9	4. Điều kiện thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ a. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây nếu được thông qua	4. Điều kiện thông qua nghị quyết ĐHĐCĐ a. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về		Khoản 5, Điều 7 Luật số 03/2022/QH15.	Điều chỉnh tỷ lệ thông qua Nghị quyết Đại hội

	bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp thì phải được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên <u>của tất cả cổ đông dự họp tán thành</u>: (i) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty. (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; (v) Tổ chức lại, giải thể Công ty; b. Trừ trường hợp quy định tại <u>điểm a khoản này và khoản 1 Điều 16 Điều lệ này</u>, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết <u>của tất cả cổ đông dự họp tán thành</u>. c. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến	các vấn đề sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên <u>của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành</u>: (i) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty (v) Tổ chức lại, giải thể Công ty. b. Trừ trường hợp quy định <u>tại điểm a khoản này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</u>, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết	đồng cổ đông phù hợp với quy định pháp luật
--	--	--	--

		bằng văn bản, kể cả các vấn đề nêu tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.	<u>của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.</u> c. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nếu được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, kể cả các vấn đề nêu tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì phải được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.		
2. Điều 22. Biên bản họp và nghị quyết của HĐQT					
Khoản 2, Điều 22	2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản và các nội dung khác theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp HĐQT phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT <u>tham dự họp</u> ký	2. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản và các nội dung khác theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được	Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15	Cập nhật nội dung về thành phần ký Biên bản họp Hội đồng quản trị phù hợp với quy định pháp luật	

		và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp (trừ nội dung Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản) thì biên bản này có hiệu lực.	tất cả thành viên khác của HĐQT <u>tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp</u> ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 158 Luật Doanh Nghiệp (trừ nội dung Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản) thì biên bản này có hiệu lực. <u>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</u>		
III. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ					
1. Điều 22. Biên bản họp và Nghị quyết của HĐQT					
Khoản 2, Điều 22	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT <u>tham dự họp</u> ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp, nhưng nếu được tất cả thành viên khác của HĐQT <u>tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp</u> ký và có đầy đủ nội dung theo quy	Khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15	Cập nhật nội dung về thành phần ký Biên bản họp Hội đồng quản trị	

		thì biên bản này có hiệu lực.	định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. <u>Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.</u>		phù hợp với quy định pháp luật
--	--	-------------------------------	---	--	--------------------------------